

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *48* /2024/QĐ-UBND Cao Bằng, ngày *22* tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;*

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với dự toán chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng phòng hộ, đặc dụng là 121.803.000 đồng/ha.

**Điều 2.** Quyết định này là căn cứ để các Chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải trồng rừng thay thế nhưng không tự tổ chức trồng rừng thay thế nộp tiền vào Quỹ bảo vệ phát triển rừng tỉnh Cao Bằng.

### **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các Dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *02* tháng *11* năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ma.*

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT, các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP: PCVP (Triều);
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(pvT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Hoàng Xuân Ánh*  
**Hoàng Xuân Ánh**